

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Đ - hạnh phúc**

Bản án số 191/2018/DS-PT  
Ngày 30-10-2018  
V/v tranh chấp lỗi đi chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Tố Giang.

*Các Thẩm phán:* Bà Thái Thị Huyền Trân

Ông Trần Minh Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phí Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp lỗi đi chung.

Đ Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 233/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 179/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A (sinh năm 1933, chết năm 2016). Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà A, gồm:

- Bà D, sinh năm 1957,

- Ông Đ, sinh năm 1967,

- Bà E, sinh năm 1971,

Cùng cư trú: số 410/2 đường K, khóm L 3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bà G, sinh năm 1983,

Nơi cư trú: số 06, khóm T C, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D:* Luật sư H, Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ Văn phòng: số 16D đường N, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

## 2. Bị đơn:

- Ông B, sinh năm 1946,
- Bà C, sinh năm 1951,

Cùng cư trú: số 411/2 đường K, khóm L 3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B:* Luật sư I, Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ Văn phòng: số 35D khóm Đ 5, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

Địa chỉ trụ sở: số 99 đường H, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố X:* Bà K, chức vụ: Cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố X (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 2898/UBND-NC ngày 12/10/2015).

Người kháng cáo: Ông B và bà C là bị đơn trong vụ án.

Các đương sự: D, E, B, C có mặt tại phiên tòa; Đ, G, Ủy ban nhân dân thành phố X vắng mặt tại phiên tòa. Luật sư H, Luật sư I có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà A (sau đây gọi tắt là bà A) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà A trình bày:

Ngày 14/01/2004, Ủy ban nhân dân thành phố X cấp quyền sử dụng đất cho bà A diện tích 814,1m<sup>2</sup> có thể hiện lối đi chung liền kề với nhà của ông B, bà C (sau đây gọi tắt là ông B, bà C), nguồn gốc đất do ông, bà cho bà A sử dụng từ năm 1975 có lối đi chung ngang 1,2m x dài 19,46m.

Năm 2009, bà A xây lại nhà và làm lại lối đi vào nhà thì bị ông B ngăn cản. Từ đó, bà A mới biết lối đi ra đường công cộng của gia đình bà A thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B.

Năm 2015, bà A phân chia diện tích 814,1m<sup>2</sup> cho các con và cháu gồm: Bà D diện tích 194,9m<sup>2</sup>; ông Đ diện tích 320,3m<sup>2</sup>; bà E diện tích 106,5m<sup>2</sup>; chị G diện tích 94,4m<sup>2</sup>. Lối đi tranh chấp với ông B, bà C là lối đi chung duy nhất của gia đình bà D, ông Đ, bà E và chị G nhưng ông B, bà C thường xuyên cản trở, gây khó khăn.

Nay, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà A yêu cầu ông B, bà C phải chấm dứt hành vi cản trở lối đi chung; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho ông B, bà C theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số H00306eA ngày 20/6/2005 để tách phần lối đi chung ra ngoài quyền sử dụng đất của ông B, bà C.

*- Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông B, bà C trình bày:*

Ông L là ông ngoại chồng của bà A cho ông ngoại của ông B sử dụng phần đất cất nhà ở và liền kề phần đất cất nhà có lối đi chung ra đến lộ ngang 01m, dài 19,46m. Nhà bà A cất phía sau nhà ông B và có sử dụng lối đi chung này nhưng thuộc quyền quản lý của gia đình ông B nên ngày 20/6/2005 Ủy ban nhân dân thành phố X cấp quyền sử dụng đất cho ông B, bà C diện tích 151,7m<sup>2</sup> trong đó có phần lối đi chung. Ông B, bà C không cản trở, không gây khó khăn cho gia đình bà A trong việc sử dụng lối đi chung.

Nay ông B, bà C không đồng ý tách phần lối đi chung ra ngoài quyền sử dụng đất của ông B, bà C theo yêu cầu của gia đình bà A; ông B, bà C vẫn cho gia đình bà A sử dụng lối đi nhưng khi cần thì ông B, bà C đòi lại.

*Tại Công văn số 1958/UBND-NC ngày 23 tháng 7 năm 2014, Ủy ban nhân dân thành phố X có ý kiến như sau:* Ngày 10/5/2002, bà A lập thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà; ngày 08/12/2003, Ủy ban nhân dân phường M xác nhận nguồn gốc nhà, đất ông T, bà A sử dụng trước và sau 30/4/1975 đến nay, chưa phát sinh tranh chấp; ngày 22/12/2003 Phòng Quản lý Phát triển Đô thị X xác nhận hồ sơ hợp lệ, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 14/01/2004, bà A được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí khu đất tại các thửa số 21, 37, tờ bản đồ số 21, hẻm K, khóm L 3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang với tổng diện tích 814,1m<sup>2</sup> (trong đó: Đất ở 194,9m<sup>2</sup>; đất LNK 619,2m<sup>2</sup>). Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A có Bản trích đo do Trung tâm Địa chính nhà đất lập ngày 22/12/2003 có Phòng Quản lý Phát triển Đô thị ký nghiệm thu sản phẩm đo đạc ngày 22/12/2003 có thể hiện lối đi chung là vị trí tiếp giáp với hộ ông B, lối đi chung này hộ gia đình bà A sử dụng vào mục đích đi lại từ nhà ra đường K, kích thước lối đi được xác định: Rộng 1,2m x dài 19,5m = 23,4m<sup>2</sup>. Phần lối đi chung này được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00306eA ngày 20/6/2005, kèm hồ sơ kỹ thuật lập ngày 15/02/2004, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B được thực hiện theo quy định dạng đại trà, hiện không tìm thấy hồ sơ tại bộ phận lưu trữ của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân phường M.

Ủy ban nhân dân thành phố X nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A là đúng quy định pháp luật theo Quyết định số 272/2002/QĐ.UB ngày 30/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành văn bản quy định về trình tự, thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân có nhà, đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X đã quyết định:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà A, gồm: bà D, ông Đ, bà E và chị G.

- Giữ nguyên hiện trạng lối đi chung có diện tích ngang 01m x dài  $(19,52\text{m} + 19,46\text{m}) = 19,5\text{m}^2$  được xác định theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh X lập ngày 26/01/2015 (đính kèm bản án).

- Buộc ông B và bà C phải chấm dứt hành vi cản trở, gây khó khăn cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà A, gồm: bà D, ông Đ, bà E và chị G trong việc sử dụng lối đi chung có diện tích 01m x dài  $(19,52\text{m} + 19,46\text{m}) = 19,5\text{m}^2$  được xác định theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh X lập ngày 26/01/2015.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00306eA ngày 20/6/2005 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho ông B và bà C.

- Ông B và bà C có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 17 tháng 5 năm 2018, bị đơn ông B, bà C có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu xem xét lại nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X theo hướng giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông B, bà C được cấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông B, bà C trình bày cụ thể nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu chứng cứ mới.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, Luật sư I trình bày tranh luận:* không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm vì những lý do sau: quyền sử dụng đất bà A được cấp năm 2004 đã có lối đi chung nhưng bà A không yêu cầu cấp quyền sử dụng đất lối đi chung cho mình; năm 2005 ông B và bà C được cấp quyền sử dụng đất dạng đại trà, phía sau có nhà bà A, cũng không có thể hiện lối đi chung, mà là nguyên một miếng đất. Tại thời điểm hiện tại, phía trên lối đi được cấp quyền sử dụng đất không có vật gì cản trở, vẫn là một phần đất trống. Về văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân thành phố X: chuyện cấp Giấy sai là chuyện của Ủy ban, không phải lỗi của ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tách phần lối đi chung ra, bởi vì

quyền sử dụng đất được cấp không sai và không có hành vi cản trở hay gây khó dễ trong sử dụng lối đi chung.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D, Luật sư H trình bày tranh luận:* nguyên đơn tiến hành vụ kiện này nhiều năm từ năm 2009, chính quyền địa phương - UBND phường M - đã hòa giải nhiều lần nhưng không thực hiện được nên nguyên đơn yêu cầu bảo vệ theo quy định pháp luật về quyền sử dụng lối đi chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có lối đi chung. Nhận thấy: bản án sơ thẩm TAND thành phố X đã xét xử hợp lý, hợp tình. Phía nguyên đơn đi kiện để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, vẫn đây thiện chí, mái che nhà bị đơn qua lối đi chung cũng không yêu cầu tháo dỡ, cũng không tranh chấp yêu cầu cấp quyền sử dụng đất lối đi chung mặc dù đây là nguồn gốc đất của ông bà nguyên đơn. Những chứng cứ thu thập được đã thể hiện tính chính đáng của nguyên đơn. Ông bà phân chiaa trong tộc họ và con đường đi xuống bến sông được chứng minh bằng hình ảnh, nhân chứng và sự thừa nhận của ông B, bà C. Chứng cứ thứ nhất: hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A ngày 14/01/2004. Chứng cứ thứ hai: bản đồ hiện trạng năm 2010 và 2015 thể hiện phần đất bà A được bao quanh bởi đất các hộ khác, ngoài lối đi chung này không còn lối đi nào khác. Mặt khác, Công văn 1958 ngày 23/7/2014 của UBND thành phố X đã trả lời và làm rõ việc này, khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A là đúng. Như vậy, lối đi chung đã tồn tại khách quan qua một quá trình lịch sử và hiện nay nguyên đơn không còn lối đi nào khác. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà C cấp dạng đại trà gồm cả lối đi chung là không đúng. Ông B, bà C từ nhận thức Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình gồm cả lối đi chung nên có cản trở. Vì vậy, Tòa sơ thẩm tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc không cản trở việc sử dụng lối đi chung là đúng. Từ những cơ sở nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: Ông B và bà C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng khác: Luật sư H, Luật sư I đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm bị kháng cáo: lối đi chung đang tranh chấp có nguồn gốc của gia đình bà A, đã có từ trước năm 1975. Năm 2003, tại hồ sơ kỹ thuật khu đất của bà A thể hiện lối đi chung cặp vách nhà ông B. Đến năm 2005, ông B và bà C kê khai cấp

quyền sử dụng đất luôn cả lối đi chung. Công văn 1958 ngày 23/7/2014 của UBND thành phố X đã xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A là đúng, còn đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà C là cấp dạng đại trà và không tìm thấy hồ sơ lưu trữ. Lối đi chung mà các bên tranh chấp là lối đi duy nhất từ nhà bà D, ông Đ, bà E, chị G ra đường K, nên việc UBND thành phố X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà C vào năm 2005, bao trùm cả phần diện tích lối đi chung là không đúng quy định. Hiện nay, ngoài lối đi chung này, gia đình bà D, ông Đ, bà E, chị G không còn lối đi nào khác nên cần có lối đi theo quy định tại Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án sơ thẩm xét xử và xác định lối đi chung ngang 01m, dài 19.5m là có căn cứ, phù hợp thực tế sử dụng. Bị đơn kháng cáo và tại phiên tòa hôm nay không cung cấp, bổ sung chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, bà C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông B và bà C kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét nội dung kháng cáo: Ông B, bà C kháng cáo yêu cầu xem xét lại nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X theo hướng giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất và giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông B, bà C được cấp.

[2.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01797.QSĐĐ/Ac Đ Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 14/01/2014 cho bà A thì hồ sơ địa chính có thể hiện phần lối đi chung là vị trí tiếp giáp với nhà của ông B, bà C và theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký Đất đai - Chi nhánh X lập ngày 26/01/2015 có thể hiện tổng diện tích 814,1m<sup>2</sup> đất ở và đất trồng cây lâu năm khác do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho bà A được bao quanh bởi các thửa đất của các hộ khác, ngoài lối đi chung đang tranh chấp có vị trí tiếp giáp với nhà của ông B, bà C, gia đình bà A không có lối đi nào khác và lối đi chung được xác định diện tích ngang 01m x dài (19,52m + 19,46m) = 19,5m<sup>2</sup> dẫn từ nhà, đất của gia đình bà A ra đường công cộng là đường K.

[2.2] Tại Công văn số 1958/UBND – NC ngày 23 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố X thể hiện phần diện tích lối đi chung này đã được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông B, bà C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00306/eA ngày 20/6/2005 và xác định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà C được

thực hiện theo quy trình đại trà, hiện không tìm thấy hồ sơ tại bộ phận lưu trữ của Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất cũng như của Ủy ban nhân dân phường M. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố X xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A là đảm bảo đúng theo Quyết định số 272/2002/QĐ.UB ngày 30/01/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành văn bản quy định về trình tự, thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân có nhà, đất trên địa bàn tỉnh An Giang (bút lục 109).

[2.3] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều xác định nguồn gốc đất là do gia đình bên chồng của bà A cho lại gia đình ông B cất nhà ở để giữ đất; phần lối đi chung đang tranh chấp có nguồn gốc của tộc họ bà A sử dụng từ lâu, từ trước đến nay gia đình bà A chỉ sử dụng duy nhất lối đi chung này để đi ra đường công cộng. Những người làm chứng trong vụ án đều xác nhận lối đi chung đang tranh chấp đã có từ lâu và do gia đình bà A sử dụng.

[2.4] Xét thấy, quyền sử dụng đất của ông B, bà C được cơ quan chuyên môn cấp theo dạng đại trà nên không thực hiện việc kiểm tra, xác minh diện tích đất ông B, bà C sử dụng trên thực tế dẫn đến việc Ủy ban nhân dân thành phố X cấp quyền sử dụng phần đất lối đi chung của gia đình bà A cho ông B, bà C là không đúng theo quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, bà C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố X như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên ông B, bà C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, bà C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 03/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà A, gồm: bà D, ông Đ, bà E và chị G.

- Giữ nguyên hiện trạng lối đi chung có diện tích ngang 01m x dài (19,52m + 19,46m) = 19,5m<sup>2</sup> được xác định theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký Đất đai - Chi nhánh X lập ngày 26/01/2015 (đính kèm).

- Buộc ông B và bà C phải chấm dứt hành vi cản trở, gây khó khăn cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà A, gồm: bà D, ông Đ, bà E và chị G trong việc sử dụng lối đi chung có diện tích 01m x dài (19,52m + 19,46m) = 19,5m<sup>2</sup> được xác định theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký Đất đai - Chi nhánh X lập ngày 26/01/2015.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00306eA ngày 20/6/2005 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp cho ông B và bà C.

- Ông B và bà C có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Bà D tự nguyện chịu chi phí đo đạc và định giá là 1.100.000 đồng, bà D đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B, bà C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà A, gồm: D, Đ, E, G được nhận lại 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004601 ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

- Về án phí phúc thẩm:

Ông B, bà C phải chịu mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008253 ngày 18/5/2018 và biên lai thu số 0008867 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Ông B, bà C đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp.X;
- D cục THADS Tp.X;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- Lưu: Tòa Dân sự; hồ sơ vụ án.

**Quách Tố Giang**

1.